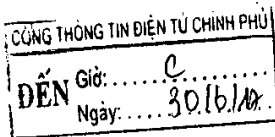


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /2017/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 6 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý cây xanh đô thị
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Quản lý cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 381/1998/QĐ-UB ngày 14 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý cây xanh thuộc phạm vi nội thị thành phố Đà Lạt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Website Chính phủ;
- Đài PTTH. Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD, LN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

Quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /2017/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định cụ thể một số nội dung về quản lý cây xanh tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: quy hoạch, trồng, chăm sóc, ương cây, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị. Khuyến khích áp dụng đối với các khu vực ngoài đô thị như: khu dân cư nông thôn tập trung, khu du lịch sinh thái,...

b) Các nội dung khác liên quan đến việc quản lý cây xanh không nêu tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (sau đây viết tắt là Nghị định số 64/2010/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).

Điều 2. Cây xanh đô thị, nguyên tắc quản lý hệ thống cây xanh đô thị

1. Cây xanh đô thị là cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh sử dụng hạn chế và cây xanh chuyên dụng trong đô thị (chỉ tiết các từ ngữ liên quan sử dụng trong quản lý cây xanh đô thị theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và phân công trách nhiệm cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong việc quản lý cây xanh đô thị.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng, quản lý cây xanh đô thị trong phạm vi địa giới hành chính quản lý; lựa chọn đơn vị đảm bảo điều kiện năng lực thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh trên địa bàn quản lý theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trực tiếp trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh thuộc khuôn viên khu đất hoặc cây xanh đường phố trước nhà mình quản lý, sử dụng.

5. Khuyến khích xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị.

6. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

7. Việc lựa chọn chủng loại và trồng cây xanh phải phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, cảnh quan không gian kiến trúc đô thị; mang đặc trưng văn hoá địa phương; đảm bảo an toàn giao thông; không làm hư hỏng hoặc ảnh hưởng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên và dưới mặt đất, trên không và theo danh mục cây xanh được trồng trong đô thị.

8. Khi lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, dự án xây dựng phát triển hạ tầng đô thị, khu dân cư, phải xác định tỷ lệ, diện tích đất cây xanh và hệ thống cây xanh hai bên các tuyến đường, công viên, vườn hoa,... theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành về cây xanh sử dụng công cộng.

9. Đường đô thị xây dựng mới phải thiết kế trồng cây xanh đồng bộ với xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình đường ống kỹ thuật hoặc khi tiến hành hạ ngầm các công trình đường dây, cáp nổi có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển, trồng mới cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết để giám sát thực hiện. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (nếu có) phải tuân thủ theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

10. Mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc cây xanh đường phố trước nhà, trong các khuôn viên công cộng; phát hiện và thông báo ngay cho cơ quan quản lý biết, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng tới sự phát triển của cây xanh đô thị và xử lý cây nguy hiểm theo quy định.

11. Khi thiết kế xây dựng công trình đường có đầu nối giao thông liên quan đến dải phân cách, đảo phân luồng giao thông có bồn hoa, thảm cỏ, công viên, vườn hoa cần lựa chọn phương án tối ưu hạn chế ảnh hưởng đến cây xanh.

12. Thực hiện việc trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh theo đúng quy trình kỹ thuật và các quy định quản lý cây xanh đô thị.

13. Chủ sở hữu cây xanh có quyền quản lý và sử dụng nguồn lợi thu được từ cây xanh do mình sở hữu theo quy định pháp luật.

14. Các hành vi bị cấm đối với cây xanh đô thị, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

Điều 3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý cây xanh đô thị

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đoàn thể, trường học, ... có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn, vận động người dân và cộng đồng dân cư tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật liên quan về quản lý cây xanh đô thị và Quy định này.

Chương II QUY HOẠCH, TRỒNG, CHĂM SÓC, ƯƠM CÂY, BẢO VỆ, CHẶT HẠ, DI CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 4. Quy hoạch cây xanh đô thị

1. Yêu cầu đối với quy hoạch cây xanh đô thị, thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Nội dung quy hoạch cây xanh đô thị trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên, vườn hoa đô thị, thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

4. Chi tiết cụ thể quy hoạch cây xanh đô thị thực hiện theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ- BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

5. Quy mô, vị trí các vườn ươm cây phải được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch hạ tầng đô thị; khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong đô thị phải có quy hoạch vành đai cây xanh cách ly.

Điều 5. Quy định chung về trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị

Tuân thủ theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6 Điều 3, Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP. Khi thiết kế trồng cây xanh đô thị phải đảm bảo các yêu cầu về thiết kế đô thị (nếu có) và các quy định khác liên quan.

Điều 6. Trồng cây xanh sử dụng công cộng đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP và quy định sau:

1. Yêu cầu chung đối với cây trồng:

a) Cây trồng phải phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, cảnh quan, không gian kiến trúc đô thị.

b) Cây có thân thẳng, phân cành cao, dáng cân đối, bộ khung tán đẹp, ít sâu bệnh, có hoa đẹp, cây ít rụng lá, xanh tốt quanh năm và có khả năng chống chịu được gió lớn.

c) Không trồng những cây rễ nổi, dễ đổ, gãy và những cây ăn quả, cây có gai nhọn, có chất độc, cây có hoa, quả phát tán mùi ảnh hưởng đến người dân, cây có tán lớn nằm sát nhà dân và những cây giòn dễ gãy.

2. Quy định về trồng cây bóng mát:

a) Áp dụng đối với cây bóng mát tại các đường phố và các khu vực sở hữu công cộng đô thị.

b) Việc trồng cây bóng mát phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách nêu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này; đồng thời, ưu tiên chọn chủng loại cây trồng theo danh mục, đặc tính tại Phụ lục II kèm theo Quy định này.

c) Cây trồng được chăm sóc, cắt tỉa tạo tán cân đối hàng năm theo đúng yêu cầu kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, tỉa cành, cắt nhánh để đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo tầm nhìn cho người và phương tiện tham gia giao thông; xử lý cây nguy hiểm nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

3. Trồng cây trên dải phân cách, hè phố, ven đường quốc lộ:

a) Việc trồng cây phải đảm bảo hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh. Cây trồng phải phù hợp với từng tuyến đường hoặc tuyến phố; tại các đảo giao thông chỉ trồng cây cảnh, cỏ, hoa, tạo thành mảng màu.

b) Trồng một loại cây trên tuyến phố có chiều dài dưới 2km. Tuyến đường dài trên 2km có thể trồng hai loại cây tùy theo từng đoạn đường, cung đường.

c) Trồng cây trên hè phố:

- Cây bóng mát trồng trên vỉa hè theo quy định tại Khoản 2 Điều này (trừ những tuyến đã có cây từ trước).

- Đối với vỉa hè có bề rộng nhỏ hơn 3m, trồng cây có chiều cao trưởng thành nhỏ, không vướng đường dây điện trên không và không gây hư hại công trình hiện có.

d) Trồng cây trên dải phân cách:

- Đối với dải phân cách có bề rộng dưới 2m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh, không trồng cây bóng mát (trừ những tuyến đã có cây từ trước); nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì phải có kế hoạch dịch chuyển cây.

- Đối với dải phân cách rộng từ 2m trở lên có thể trồng một hàng cây bóng mát thân thẳng, có chiều cao, phân cành cao, tán lá gọn, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn, an toàn giao thông; trồng cách điểm đầu dải phân cách khoảng 3m - 5m để đảm bảo an toàn giao thông.

4. Trồng cây trong công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác trong đô thị:

a) Cây xanh trồng trong công viên, vườn hoa, quảng trường, ven hồ nước, hai bên bờ sông, suối và các khu vực công cộng khác trong đô thị phải theo thiết kế được phê duyệt.

b) Trồng lại cây sau khi dịch chuyển cây; chặt hạ cây chết, cây sâu mục, cây bị gãy đổ, cây có nguy cơ gãy đổ.

c) Trồng cây thay thế cây không đúng chủng loại theo quy hoạch, cây cong, nghiêng, xấu ảnh hưởng cảnh quan và mất an toàn cho người và công trình.

5. Quy định về ô đất trồng cây:

a) Kích thước và loại hình ô đất được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng tuyến phố, cung đường.

b) Ô đất trồng phải có kích thước phù hợp với độ rộng, bằng phẳng của hè phố, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho người đi bộ (đặc biệt đối với người già, người tàn tật) và thuận tiện cho việc chăm sóc cây xanh.

c) Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố (có vỉa hè) hoặc khu vực công cộng phải được xây bó vỉa nhằm giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây.

d) Tận dụng các ô đất trống để trồng cỏ, cây tiểu cảnh, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải cây xanh để tăng mỹ quan đô thị.

6. Khoảng cách cây trồng đến công trình:

a) Khoảng cách tính từ gốc cây đến các công trình kỹ thuật (tunnel kỹ thuật, mương thoát nước, ống cấp nước, thoát nước, đường dây cáp ngầm,...) tối thiểu là 1,2m.

b) Cây xanh trồng ở hè phố cách góc phố 10m tính từ điểm đường giao nhau gần nhất, không ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

c) Cây xanh trồng cách họng nước chữa cháy trên đường từ 2m - 3m, cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga từ 1m - 2m.

d) Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo quy định về hành lang an toàn lưới điện và bảo vệ an toàn các công trình thuộc lưới điện cao áp.

đ) Cây trồng cách nhà ở hoặc công trình xây dựng từ 2m - 3m.

e) Chú ý trồng cây ở khoảng cách giữa hai nhà ở riêng lẻ, không trồng trước cổng hoặc trước chính diện nhà ở riêng lẻ.

Điều 7. Trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị

1. Thực hiện trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị (cây xanh trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng) theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Nguyên tắc trồng cây:

a) Tuân thủ theo quy hoạch được duyệt (nếu có);

b) Cây trồng riêng lẻ, trồng dặm thì tùy thuộc khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây trồng thích hợp để phù hợp với cảnh quan của khu vực;

c) Khoảng cách an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo các quy định hiện hành, bảo đảm cây xanh có tán, thân, rễ không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các hộ xung quanh và không làm hư hại các công trình lân cận thuộc cá nhân, tổ chức khác quản lý;

d) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Quản lý cây xanh trồng trong các dự án đầu tư phát triển đô thị

1. Cây xanh trong các dự án đầu tư phát triển đô thị phải được trồng đúng theo nội dung chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt thiết kế thi công, phù hợp với tiến độ xây dựng công trình.

2. Chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển đô thị phải thực hiện trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo cây xanh phát triển, đáp ứng yêu cầu cải thiện môi trường, mỹ quan đô thị khi dự án đi vào hoạt động.

3. Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu về vị trí, quy cách hố trồng, đất màu...; nghiệm thu về số lượng, chủng loại, chiều cao, đường kính cây trồng; đồng thời có trách nhiệm thực hiện tốt việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh thuộc phạm vi dự án quản lý.

4. Trường hợp bàn giao việc quản lý cây xanh, tổ chức tiếp quản có trách nhiệm lưu 01 bộ hồ sơ thiết kế, nghiệm thu cây xanh đô thị; đồng thời tiếp tục thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ cây xanh theo quy định.

Điều 9. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị

1. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị đối với các tuyến phố, công viên, vườn hoa, khu vực đã có cây xanh đô thị thuộc địa bàn được giao, bao gồm: thống kê về số lượng, kiểm tra đánh giá chất lượng, tình hình phát triển, đánh số cây, lập danh sách, phân loại cây kèm theo bản vẽ vị trí cây cho từng tuyến phố, khu vực đô thị; xác định cây nguy hiểm, cây không được trồng, hạn chế trồng để có kế hoạch chăm sóc, di chuyển, chặt hạ và trồng thay thế kịp thời.

2. Đối với cây cần bảo tồn, cây di sản, cây cổ thụ, cây quý hiếm, ngoài việc thống kê, phân loại, đánh số, cần phải treo biển tên, thực hiện tốt việc chăm sóc và bảo vệ cho từng cây.

Điều 10. Quản lý cây nguy hiểm trong đô thị

1. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị phải thường xuyên kiểm tra (nhất là mùa mưa bão) để xác định cây có nguy cơ gãy đổ, có thể gây nguy hiểm cho người, phương tiện và công trình; kịp thời xử lý đảm bảo an toàn (chặt hạ, tía cành, cắt nhánh hoặc di chuyển cây).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức kiểm tra cây xanh thường xuyên, ít nhất một lần mỗi quý trong năm và tăng cường kiểm tra trong mùa mưa bão để có biện pháp xử lý kịp thời đối với những cây nguy hiểm, cây sâu bệnh nhằm đảm bảo bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

Điều 11. Quy định về chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Trước khi triển khai việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, đơn vị thực hiện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ dân phố (hoặc thôn) nơi có cây xanh biết trước ít nhất 02 ngày làm việc.

3. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải đảm bảo đúng kỹ thuật an toàn đối với người, tài sản của tổ chức, cá nhân.

4. Sau khi thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị; đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị phải có phương án trồng thay thế, bổ sung với số lượng cây tối thiểu bằng số lượng cây đã chặt hạ, dịch chuyển, phù hợp với chủng loại cây trồng, tiêu chuẩn kỹ thuật và cảnh quan, kiến trúc tại khu vực đó.

Điều 12. Thẩm quyền giải quyết hồ sơ cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hồ sơ cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý đối với trường hợp số lượng từ 10 cây trở xuống, không phải là cây quý hiếm, cổ thụ, không có biểu hiện phá hoại làm cây chết.

2. Đối với các trường hợp đặc biệt: Cây có biểu hiện bị phá hoại cần phải điều tra, xác minh; số lượng cây đề nghị chặt hạ trên 10 cây (không bao gồm cây chết, cây sâu mục, cây nguy hiểm, cây không thuộc chủng loại cây đô thị); đối với cây quý hiếm, cây cổ thụ phải xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Trường hợp đặc biệt cần chặt hạ, dịch chuyển ngay đối với cây xanh đô thị (không phải cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển)

1. Trường hợp khẩn cấp cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị do thiên tai hoặc cây có nguy cơ gãy đổ gây nguy hiểm thì tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị lập biên bản hiện trường; chụp ảnh hiện trạng cây xanh; thực hiện ngay việc chặt hạ, dịch chuyển cây và chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc chặt hạ, dịch chuyển cây phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp cây xanh đô thị đã bị gãy, đổ thì đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hiện trường; chụp ảnh hiện trạng cây xanh; dọn dẹp, giải tỏa mặt bằng

và chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc giải tỏa mặt bằng phải lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 14. Quản lý và phát triển vườn ươm cây xanh đô thị

1. Tổ chức hoặc cá nhân được giao đất để phát triển vườn ươm phải thực hiện đúng quy hoạch, đúng mục đích, sử dụng đất hiệu quả; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc nghiên cứu giống cây, thuần hóa cây nhập nội; công tác ươm, trồng cây giống (các loại cây, hoa, cây cảnh) đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại của cây xanh cho đô thị.

2. Chủ động phát triển vườn ươm cây giống theo kế hoạch phát triển cây xanh của đô thị hàng năm và từng giai đoạn; phong phú về chủng loại cây đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Thực hiện lai tạo, nhân giống các giống cây mới có tán, hoa, lá màu sắc đẹp, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng mang bản sắc địa phương; chú trọng việc thuần hóa, phát triển trồng các giống cây lâm nghiệp đặc hữu ở địa phương.

Điều 15. Khuyến khích xã hội hóa tham gia quản lý và phát triển cây xanh đô thị

1. Khuyến khích xã hội hóa công tác quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và phát triển vườn ươm cây giống theo quy hoạch.

2. Khuyến khích các hộ gia đình tự trồng và chăm sóc cây xanh trước nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch.

3. Khuyến khích trồng cây xanh trên hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông, các vùng cách ly khu xử lý rác, khu mai táng, nghĩa trang; sử dụng các bãi rác, các khu mỏ khoáng sản khi ngừng hoạt động chuyển thành vườn ươm cây xanh, thực hiện trồng cây theo quy hoạch, dự án (nếu có) hoặc phương án trồng cây được duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm các Sở, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Là cơ quan chủ trì, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP và các nội dung của Quy định này.

b) Chủ trì, soạn thảo các văn bản hướng dẫn công tác quản lý cây xanh đô thị; lập kế hoạch hàng năm và 05 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc kiểm tra, đánh giá việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý theo quy định hiện hành; thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết đối với việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

đ) Thực hiện trách nhiệm về quản lý quy hoạch cây xanh được duyệt trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đầu tư phát triển cây xanh đô thị theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, nguồn vốn đầu tư phát triển cây xanh đô thị, khuyến khích xã hội hóa đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, cây xanh;

b) Khi thẩm định chủ trương đầu tư dự án trong các đô thị theo phân cấp phải xem xét đến hệ thống cây xanh, áp dụng các tiêu chuẩn về diện tích cây xanh và hạn chế đến mức thấp nhất việc di chuyển, chặt hạ cây xanh.

3. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn về các thủ tục, trình tự tạm ứng, thanh toán, quyết toán sản phẩm dịch vụ cây xanh đã được đấu thầu, đặt hàng.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt đơn giá đền bù giá trị của cây xanh đô thị bị chặt hạ.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn thu từ việc thanh lý cây xanh đô thị bị chặt hạ theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tham gia ý kiến để các cơ quan chức năng có cơ sở trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng ở từng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

b) Hỗ trợ, phát triển nguồn giống, chủng loại cây xanh, phát triển vườn ươm phục vụ nhu cầu trồng cây xanh; khuyến cáo cây cấm trồng và hạn chế trồng trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, lựa chọn các chủng loại cây xanh đô thị (nhập nội hoặc cây

bản địa) để bổ sung vào danh mục cây trồng phù hợp với từng đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 22 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

2. Tổ chức lập và phê duyệt, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP; kế hoạch thay thế, chặt hạ, cắt tỉa, di chuyển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 05 năm trên địa bàn quản lý; trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Xây dựng.

3. Cấp giấy phép chặt hạ, di chuyển cây xanh đô thị, chỉ đạo đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị theo quy định.

4. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết về cây xanh đô thị trên địa bàn theo thẩm quyền sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

5. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn trực thuộc thẩm định đơn giá đền bù giá trị của cây bị chặt hạ trên địa bàn quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

6. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án cây xanh đô thị trên địa bàn; kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính về quản lý cây xanh đô thị theo thẩm quyền.

7. Quản lý đất quy hoạch cây xanh đô thị trên địa bàn, không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép đất quy hoạch, đất đã trồng cây xanh đô thị.

8. Rà soát các tuyến phố, khu vực chưa giao cho các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý cây xanh đô thị để lựa chọn, giao các tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện.

9. Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP.

10. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo tình hình quản lý cây xanh trên địa bàn về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

11. Chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý vi phạm về công tác quản lý cây xanh theo phạm vi quản lý, đảm bảo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

12. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và nhân dân hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ cây xanh. Tổ chức công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân nghiêm túc thực hiện Quy định này, đồng thời áp dụng

các biện pháp để khuyến khích, động viên và phát triển hệ thống cây xanh trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh đô thị

1. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Phối hợp các cơ quan chuyên môn cấp huyện và các đơn vị được giao quản lý, đầu tư phát triển cây xanh đô thị thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, vận động, kiểm tra các khu dân cư, tổ dân phố, nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ cây xanh đô thị, xã hội hóa phát triển cây xanh đô thị và thực hiện giám sát trên địa bàn.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý cây xanh đô thị:

a) Thực hiện có hiệu quả việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh thuộc khuôn viên khu đất quản lý, sử dụng.

b) Thông báo kịp thời đến cơ quan chức năng trên địa bàn nơi gần nhất biết để xử lý những cây già cỗi, cây hoặc một phần của cây có nguy cơ gây đổ gây tai nạn cho người, làm hư hỏng các phương tiện và công trình, cây bị sâu bệnh có nguy cơ gây bệnh trên diện rộng và ngăn chặn các hành vi khai thác, phá hoại cây, đào, bới gốc, rễ cây.

c) Vận động các tổ chức, hộ gia đình và mọi người cùng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp điện, cấp nước, thoát nước, viễn thông)

1. Khi lập phương án, lập hồ sơ thiết kế tuyến cáp ngầm, dây nổi, đường ống ngầm phải thực hiện đúng quy hoạch, chỉ giới được duyệt; lựa chọn phương án tối ưu để hạn chế ảnh hưởng đến cây xanh.

2. Khi thi công công trình phải có trách nhiệm bảo vệ an toàn, không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây xanh đô thị; trường hợp phải chặt hạ, di chuyển cây xanh phải xin phép chặt hạ, di chuyển theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị được giao thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị

1. Tổ chức lập kế hoạch, bố trí thiết bị, nhân lực có năng lực, kỹ thuật để thực hiện tốt nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết hoặc nội dung nhiệm vụ được giao; tuân thủ quy trình kỹ thuật đảm bảo an toàn, mỹ quan và phát triển tốt của cây xanh, giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn lao động, đảm bảo chất lượng và hiệu quả xã hội của cây xanh.

2. Xây dựng đơn giá đền bù giá trị của cây xanh đô thị trên địa bàn quản lý trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Tham gia kiểm tra, nghiệm thu khi tiếp nhận việc bàn giao đối với trường hợp là đơn vị tiếp quản theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Quy định này.

4. Nghiên cứu, đề xuất về chủng loại cây, hoa mới có giá trị thẩm mỹ, phù hợp quy hoạch xây dựng, điều kiện, khí hậu thổ nhưỡng, khí hậu để sử dụng trồng trên địa bàn được giao quản lý.

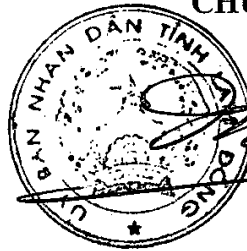
5. Thường xuyên báo cáo tình hình, kết quả thực hiện dịch vụ và những phát sinh cần xử lý đến cơ quan chức năng để biết và giải quyết kịp thời; thực hiện nghiệm thu đúng chất lượng, số lượng.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

Phụ lục I
PHÂN LOẠI CÂY BÓNG MÁT TRONG ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2017/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



Các dạng loại cây xanh tạo bóng mát được trồng trên đường phố và các khu vực sở hữu công cộng được phân làm 3 loại dựa trên chiều cao trưởng thành. Khoảng cách giữa các cây trồng phụ thuộc vào phân loại cây. Các quy định cụ thể theo Bảng phân loại cây bóng mát và các yêu cầu kỹ thuật sau đây:

Số TT	Phân loại cây	Chiều cao	Khoảng cách trồng	Khoảng cách tối thiểu đối với lề đường	Chiều rộng vỉa hè
1	Cây loại 1 (cây tiểu mộc)	≤ 10m	Từ 4m đến 8m	0,6m	Từ 3m đến 5m
2	Cây loại 2 (cây trung mộc)	> 10m đến 15m	Từ 8m đến 12m	0,8m	Trên 5m
3	Cây loại 3 (cây đại mộc)	> 15m	Từ 12m đến 15m	1m	Trên 5m

DANH MỤC, ĐẶC TÍNH CỦA MỘT SỐ LOẠI CÂY XANH ĐƯỢC NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính tán (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
1	Ban	<i>Bauhinia variegatalim</i>	6-8	3-4	Tự do	bán	nhạt	11-1	12-4	Tím, trắng
2	Bút mọc	<i>Taxodium distichum</i> Rich	10-15	5-7	Tháp	Kim	sẫm	2-3	4-5	Xanh hỏ thùy
3	Bách tán	<i>Araucaria excelsa</i> R.Br	40	4-8	Tháp	Kim	sẫm	-	4-5	Xanh lam
4	Thông nằng (Bạch tùng)	<i>Podocarpus imbricatus</i> Bl.	35	8-15	Tháp	Kim	sẫm	-	-	-
5	Bàng	<i>Terminalia catappa</i> Linn	15-20	10	Phân tầng	bán	xanh	2-3	7-8	Xanh
6	Bằng lăng	<i>Lagerstroemia flosreginae</i> Retz.	15-20	8-10	Thuôn	bán	sẫm	2-3	5-7	Tím hồng
7	Đa búp đỏ	<i>Ficus elastica</i> Roxb	30-40	25	Tự do	Bán	Sẫm		11	Vàng
8	Đa lông	<i>Ficus pillosa</i> Rein	15-20	15-20	Tự do	Bán	Sẫm	-	11	Vàng ngả
9	Hoàng lan	<i>Michelia champaca</i> Linn	15-20	6-8	Tháp	bán	Vàng nhạt	-	5-6	Vàng
10	Kim giao	<i>Podocarpus wallichianus</i> C.Presl	10-15	6-8	Tháp	bán	Sẫm	-	5-6	Vàng
11	Liễu	<i>Salix babylonica</i> Linn	7-10	4-6	Rủ	bán	Nhạt	1-3	4-5	Vàng nhạt
12	Lộc vùng	<i>Barringtonia racemosa</i> Roxb	10-12	8-10	Tròn	bán	Sẫm vàng	2-3	4-10	Đỏ thẫm
13	Long não	<i>Cinnamomum camphora</i> Nees et Ebern	15-20	8-15	Tròn	bán	Nhạt	-	3-5	Vàng
14	Muồng vàng chanh	<i>Cassia fistula</i>	15	10	tròn	bán	Nhạt	-	6-9	Hoàng yến
15	Muồng hoa đào	<i>Cassia nodosa</i> Linn	10-15	10-15	tròn	bán	Nhạt	4	5-8	Hồng

16	Muồng đen	<i>Cassia siamea</i> Lamk	15-20	10-12	tròn	bán	Sẫm	-	6-7	Vàng
17	Móng bò tím	<i>Baninia purpurea</i> s	8-10	4-5	Tròn	bán	Nhạt	-	8-10	Tím nhạt
18	Ngọc lan	<i>Michelia alba</i> De	15-20	5-8	Thuôn	bán	Vàng nhạt	-	5-9	Trắng
19	Sao đen	<i>Hopea odorata</i> Roxb	20-25	8-10	Thuôn	bán	Sẫm	2-3	4	Xanh lục
20	Si	<i>Ficus benjaminia</i> Linn	10-20	6-8	Tự do	bán	Sẫm	-	6-7	Trắng xám
21	Sanh	<i>Ficus indiaca</i> Linn	15-20	6-12	Tự do	bán	Sẫm	-	6-7	-
22	Sua	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	10-15	10-15	Tự do	bán	Sẫm	-	4-5	Trắng
23	Tếch	<i>Tectona grandis</i> Linn	20-25	6-8	Thuôn	bán	Vàng	1-3	6-10	Trắng nâu
24	Thích	<i>Acer decandrium</i> Nerrill	20-25	15-20	Tự do	bán	Xanh nhạt	-	5-6	Trắng vàng
25	Trái bần (Ngân hoa)	<i>Grevillea robusta</i> A.Cunn	20-25	7-10	Tháp	Kim	Xanh nhạt	3-4	5-6	Vàng
26	Trắc	<i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre	25	10-15	Tự do	Bán	Xanh nhạt	-	-	-
27	Thông ba lá	<i>Pinus khasya</i> Royle	20-30	7-15	Tháp	Kim	Xanh nhạt	-	-	-
28	Thông nhựa hai lá	<i>Pinus merkusii</i>	30	8-10	Tự do	Kim	Sẫm	-	5-6	Xanh lam
29	Thông đuôi ngựa	<i>Pinus massoniana</i>	30-35	10-15	Tháp	Kim	Vàng nhạt	-	4	Xanh lam
30	Tùng búp	<i>Juniperus chinensis</i>	15	5-7	Tháp	Kim	Sẫm	-	-	-
31	Tùng xà	<i>Sabana chinensis</i>	25	7-10	Tháp	Kim	Sẫm	-	-	-
32	Viết	<i>Maduca elliptica</i> "Pierre ex Dubard" H.J.Lam	10-20	10-15	Trúng	Bán	Sẫm	-	1-3	Trắng

